TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **THÀNH PHỐ HUẾ** Số: **101**/2025/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Lộc, ngày 03 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 252/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị N; sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn P, huyện P, thành phố H;

- Bị đơn: Anh Nguyễn L; sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện P, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 33, Điều 38, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị N và anh Nguyễn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Phan Thị N và anh Nguyễn L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung: Chị Phan Thị N và anh Nguyễn L đều thừa nhận tài sản chung như đơn khởi kiện của chị N là đúng. Nay ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung là vật dụng trong gia đình và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N cũng xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản này.

- Đối với quyền sử dụng đất: Thửa đất số 534, tờ bản đồ số 29, diện tích 110,5m^2 toạ lạc tại: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện P, thành phố H. Nguồn gốc thửa đất này do anh Nguyễn Long N1 chuyển nhượng của bà Hoàng Thị Bạch Y, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 10/4/2004 đã được Ủy ban nhân dân thị trấn P chứng thực nên hợp đồng chuyển nhượng này đã phát sinh hiệu lực. Hai bên đã giao nhận đủ số tiền chuyển nhượng, anh L đã xây nhà ở ổn định đến nay, không tranh chấp về quyền sử dụng đất với những người sử dụng đất liền kề. Do đó, thửa đất số 534, tờ bản đồ số 29, diện tích 110,5m^2 toạ lạc tại: Tổ dân phố F, thị trấn P, huyện P, thành phố H là tài sản riêng của anh L đã có trước khi kết hôn. Vợ chồng chị N anh L đều thống nhất đây là tài sản riêng của anh L.

- Đối với căn nhà cấp 3 (xây dựng năm 2021), diện tích xây dựng là 79,0 m^2, diện tích sàn là 158 m^2. Theo kết quả định giá tài sản ngày 14/4/2025, Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị ngôi nhà (chất lượng còn lại sau khi khấu hao) là 695.200.000 đồng; phần hiên mái che giá trị là 10.752.000 đồng; tường rào giá trị là 10.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là nhà và công trình xây dựng trên đất là 716.725.000 đồng. Anh L và chị N, mỗi người được nhận 50% giá trị ngôi nhà, công trình xây dựng trên đất là số tiền 358.376.000 đồng.

Chị N và anh L thoả thuận sẽ giao lại toàn bộ căn nhà lại cho anh L sử dụng. Chị N và anh L tự nguyện thoả thuận chị N chỉ nhận phần giá trị ngôi nhà là 300.000.000 đồng, anh Nguyễn L có nghĩa vụ thanh toán cho chị Phan Thị N phần giá trị ngôi nhà số tiền là 300.000.000 đồng.

Anh Nguyễn L có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động, cập nhật thay đổi về quyền quản lý, sử dụng thửa đất theo đúng quy định của pháp luật. (Kèm theo bản vẽ hiện trạng thửa đất).

Kể từ ngày quyết định có quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3 Về nợ chung: Chị N và anh L cùng công nhận vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Nguyên đơn là chị Phan Thị N tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện là chia tài sản chung là các vật dụng trong gia đình, trị giá khoảng 101.218.000 đồng (Một trăm lẻ một triệu, hai trăm mười tám nghìn đồng). Tại các biên bản hoà giải, chị Phan Thị N và anh Nguyễn L cũng tự thỏa thuận về tài sản chung là các vật dụng trong gia đình và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét phần yêu cầu mà các đương sự đã rút.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án khi Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% mức án phí, cụ thể như sau:

- Án phí ly hôn: Số tiền án phí ly hôn là 150.000 đồng. Chị N phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn và anh L phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn.

- Án phí chia tài sản chung:

- Anh Nguyễn L, chị Phan Thị N thoả thuận mỗi người phải chịu án phí dân sự chia tài sản chung là: 358.376.000 đồng x 5% x 50% = 8.959.400 đồng.

Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà anh Nguyễn L phải chịu là 9.034.400 đồng (Chín triệu không trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà chị Phan Thị N phải chịu là là 9.034.400 đồng (Chín triệu không trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp 11.320.000 đồng (Mười một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), căn cứ biên lai số 0005424 ngày 15/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, thành phố H. Chị N được nhận lại số tiền 2.285.600 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 7.000.000 đồng. Anh Nguyễn L và chị Phan Thị N mỗi người phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 3.500.000 đồng. Chị Phan Thị N đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 7.000.000 đồng, nên anh Nguyễn L phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Phan Thị N số tiền là 3.500.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND thị trấn Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

Nguyễn Thị Huyền